Người ký: Chi cục Kiểm lâm
Email: cckl@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Lâm Đồng
Thời gian ký: 23.02.2023 16:01:13 +07:00

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH LÂM ĐỒNG **CHI CỤC KIỂM LÂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 110 /KL-PTR V/v hướng dẫn các chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn và chỉ tiêu tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường.	*Lâm Đồng, ngày 23 tháng 02 năm 2023*

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 1921/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí về xã, huyện nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Văn bản số 195/SNN-VPĐP ngày 06/02/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu đất cây xanh trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn các chỉ tiêu như sau:

1. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn

1.1. Yêu cầu đạt:

a) Chỉ tiêu 17.4 (thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới): diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người đảm bảo đạt từ 02 m^2/người trở lên *(Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)*.

b) Chỉ tiêu 17.11 (thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao): diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người đảm bảo đạt từ 04 m^2/người trở lên *(Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)*.

c) Chỉ tiêu 7.6 (thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới): diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người đảm bảo đạt từ 02 m^2/người trở lên *(Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)*.

d) Chỉ tiêu 7.6 (thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao): diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người đảm bảo đạt từ 04 m^2/người trở lên *(Phụ lục III kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).*

1.2. Đối tượng/phạm vi:

a) Yêu cầu về loài cây trồng: các loài cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; *không bao gồm* cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ) có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, tác dụng phòng hộ cao, cây quý, hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương (theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025"). Ưu tiên sử dụng các loài cây xanh bản địa, đặc trưng vùng miền nhằm bảo vệ được các cây quý hiếm, cây cổ thụ có giá trị.

b) Về địa điểm: các khu vực công cộng trồng cây xanh, cây bóng mát. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là đất công viên, vườn hoa, sân chơi phục vụ cho nhu cầu và bảo đảm khả năng tiếp cận của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn *(theo mục 1.4.16 và mục 1.4.17 QCVN 01:2021/BXD).* Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người); không trồng các loài cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định.

1.3. Căn cứ chứng minh mức đạt:

- Phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Báo cáo hiện trạng công trình; báo cáo chung về kết quả thực hiện chỉ tiêu, bao gồm các nội dung chính: kết quả tổng hợp diện tích đất cây xanh trên địa bàn xã (cụ thể đến từng vị trí, địa điểm, diện tích, nguồn vốn, loại cây trồng, khả năng tiếp cận, sử dụng của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn), trong đó, thời gian đo đếm, xác định số liệu đất cây xanh được thực hiện trước thời điểm đánh giá; hồ sơ thống kê, kiểm kê đất đai thời gian không quá 01 năm;

- Kết quả thống kê dân số của năm đánh giá chỉ tiêu hoặc năm trước liền kề có xác nhận của cấp có thẩm quyền hoặc của cơ quan có thẩm quyền công bố;

- Trích lục bản đồ địa chính các công trình có xác nhận của chính quyền địa phương;

- Biên bản kiểm tra thực tế diện tích trồng cây xanh đối với các công trình đã cải tạo nâng cấp.

1.4. Phương pháp tính:

a) Bước 1: tính tổng diện tích đất cây xanh phải bảo đảm khả năng tiếp cận, sử dụng của mọi người dân trong điểm dân cư nông thôn; được xác định bằng phương pháp khoanh vẽ, đo đếm trực tiếp; đơn vị tính diện tích đất cây xanh là m^2 (mét vuông). Điều kiện đất được xác định là đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:

- Phù hợp với quy hoạch;

- Loại cây trồng: trồng các loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích;

- Mật độ trồng cây tối thiểu để quy đổi là 600 cây/ha.

b) Bước 2: tính tổng số nhân khẩu của địa phương.

c) Bước 3: tính diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư cho 01 người:

$$\text{Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người } (m^2/\text{người}) = \frac{\text{Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trong các công trình; diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng: công viên, vườn hoa, sân chơi } (m^2)}{\text{Tổng số nhân khẩu của địa phương (người)}}$$

2. Chỉ tiêu 2.3 ***(thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới):*** **tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường** *(Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

2.1. Yêu cầu đạt: tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt từ 50% trở lên.

2.2. Đối tượng/phạm vi: cây xanh trồng dọc mỗi tuyến đường huyện thuộc phạm vi ranh giới huyện là các loài cây thân gỗ, có giá trị bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan, bóng mát, có tác dụng phòng hộ cao, do địa phương lựa chọn; việc trồng cây xanh dọc tuyến đường huyện để ổn định nền đường, tạo mỹ quan và bảo vệ môi trường, tăng cảm giác an toàn khi tham gia giao thông nhưng không được trồng cây ở trên lề đường và ảnh hưởng đến canh tác.

2.3. Chứng minh mức đạt:

- Phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Báo cáo hiện trạng theo mỗi công trình;

- Biên bản kiểm tra thực tế diện tích trồng cây xanh đối với các công trình đã cải tạo nâng cấp.

2.4. Phương pháp tính tỷ lệ km mỗi tuyến đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường

a) Bước 1: tính chiều dài đoạn đường thuộc mỗi tuyến đường huyện có cây xanh phù hợp với thiết kế được phê duyệt thuộc phạm vi ranh giới huyện (km).

b) Bước 2: tính tổng chiều dài mỗi tuyến đường huyện thuộc phạm vi ranh giới huyện (km).

c) Bước 3: tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đang được tính toán (%).

$$\text{Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc mỗi tuyến đường huyện (\%)} = \frac{\text{Chiều dài đoạn đường thuộc mỗi tuyến đường huyện có cây xanh phù hợp với thiết kế được phê duyệt thuộc phạm vi ranh giới huyện (km)}}{\text{Tổng chiều dài mỗi tuyến đường huyện thuộc phạm vi ranh giới huyện (km)}}$$

Trên đây là nội dung hướng dẫn các tiêu chí về nông thôn mới đối với các chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn và chỉ tiêu tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chi cục Kiểm lâm kính trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, hướng dẫn chung cho toàn ngành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng NTM;
- CCT, các PCCT;
- Lưu: VT, PTR$_S$.

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH LÂM ĐỒNG

Vũ Đình Cường